TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST Ngày: 15 - 01 - 2020. V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Doãn Đức Hùng.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 710/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 710A/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Trần Thị M, sinh năm 1986.

- ***Bị đơn***: Anh Trịnh Xuân C, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Số 125A ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M xin vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử chị M trình bày:***

Chị và anh Trịnh Xuân C tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 13/02/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng rất hạnh phúc, nhưng mấy năm gần đây thường hay phát sinh nhiều mâu thuẫn

do không hợp nhau, hay cãi vã, xúc phạm nhau về nhiều vấn đề kinh tế, tình cảm, anh C không phụ giúp chị trong việc làm kinh tế cũng như chăm sóc con cái, nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Chị và anh C cũng tìm nhiều biện pháp tháo gỡ nhưng cũng không đem lại kết quả gì. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tình cảm của chị dành cho anh C không còn nên chị xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung là Trịnh Trần Lệ Q, sinh ngày 05/7/2007. Chị yêu cầu được nuôi con chung, tạm thời chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M khai không có.

** **Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Trịnh Xuân C đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh C.***

** **Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến***:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Trịnh Xuân C.

Về con chung: Đề nghị Tòa án giao 01 con chung là Trịnh Trần Lệ Q, sinh ngày 05/7/2007 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung chị M khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung chị M khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí buộc chị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*:** Chị Trần Thị M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của chị với anh Trịnh Xuân Nghị vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, con chung"

theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa xét xử vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trịnh Xuân C nhưng anh C đều vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và tại phiên tòa ngày hôm nay anh C vẫn không đến tham gia. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

Chị Trần Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị M và anh Trịnh Xuân C là hợp pháp, vì lấy nhau tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2001, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 9 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2001 nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị M thì thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng của chị M, anh C đã xảy ra trong thời gian dài. Mâu thuẫn do không hợp nhau, hay cãi vã, xúc phạm nhau về nhiều vấn đề kinh tế, tình cảm, một phần nữa cũng là do anh C không có trách nhiệm với gia đình, nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Chị và anh C cũng tìm nhiều biện pháp tháo gỡ nhưng cũng không đem lại kết quả gì. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tình cảm của chị dành cho anh C không còn nên chị xin được ly hôn với anh C. Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho anh C nhưng anh C không có bất cứ văn bản nào trả lời cho Tòa án về yêu cầu ly hôn của chị M. Tòa án cũng đã thông báo hòa giải để cho anh, chị có cơ hội gặp gỡ hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng anh C vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và ngày hôm nay anh C vắng mặt không có lý do. Thể hiện bản thân anh C cũng không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình với chị M. Ngoài ra Tòa án cũng đã tiến hành xác minh mâu thuẫn của chị M, anh C theo kết quả xác minh hiện nay anh C, chị M có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ trên, hai người đã không còn sống chung với nhau, còn cụ thể mâu thuẫn của vợ chồng anh chị như thế nào thì địa phương không nắm rõ, do chị M và anh C không gửi đơn yêu cầu hòa giải tại địa phương. Qua những phân tích trên thể hiện cuộc sống hôn nhân của chị M, anh C không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị M, anh C đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của chị M về việc yêu cầu ly hôn với anh C.

2.2. Về con chung: Anh C đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện, nuôi con chung của chị M, nhưng trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay anh C không có bất cứ ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa

án, cũng không đến Tòa án làm việc, cháu Trịnh Trần Lệ Q, sinh ngày 05/7/2007 đang được chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay; Bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị M. Chị M có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định, để tránh ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị M.

2.2.2. Chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị M khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] ***Về án phí sơ thẩm***: Buộc chị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M. Cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Trịnh Xuân C.

2. ***Về con chung***: Giao 01 con chung là Trịnh Trần Lệ Q, sinh ngày 05/7/2007 cho chị Trần Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh Trịnh Xuân C không phải đóng góp cho chị M tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của anh C.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. ***Về tài sản chung***: Chị M khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. ***Về nợ chung***: Chị M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. ***Về án phí dân sự sơ thẩm***:

Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0007157 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. ***Về quyền kháng cáo***: Chị Trần Thị M và anh Trịnh Xuân C có quyền kháng cáo trong hạn 15(mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
-UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa .
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Như Quỳnh